

SƠ ĐỒ EPC — CATALOGUE PHỤ TÙNG

BỘ PHỤ TÙNG F - 14 - 40  
CATALOGUE BÁNH TRƯỚC  
HONDA CBR150R (2021)

Sơ đồ EPC · CATALOGUE CB300R (2019+) · Dùng cho HONDA CB300R (2021)

Sơ đồ online:

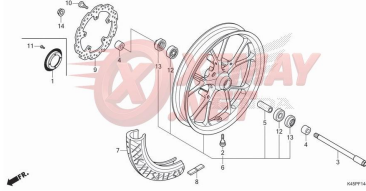
<https://wiki.dov.vn/epc/bo-phu-tung-f-14-40-catalogue-banh-truoc-honda-cbr150r-2021--EPCDOV0003321> — mở link hoặc quét QR bên phải để xem sơ đồ tương tác, click từng phụ tùng để có giá + tồn kho.

Thống kê nhanh

|                                  |                            |                             |
|----------------------------------|----------------------------|-----------------------------|
| Tổng số phụ<br>tùng: 23 chi tiết | Có giá tham<br>khảo: 23/23 | Tổng giá trị:<br>7,686,422đ |
|----------------------------------|----------------------------|-----------------------------|

\* Số lượng và giá tham khảo tại thời điểm cập nhật (05/08/2026). Giá có thể thay đổi — vui lòng liên hệ để có giá thực tế.

EPC · BỘ PHỤ TÙNG F - 14 - 40  
CATALOGUE BÁNH TRƯỚC HONDA  
CBR150R (2021)



|               |                          |
|---------------|--------------------------|
| Mã EPC        | EPCDOV0003321            |
| Thương hiệu   | HONDA                    |
| Dòng xe       | CB300R                   |
| Năm SX        | 2021                     |
| Loại hệ thống | FRAME                    |
| Danh mục      | CATALOGUE CB300R (2019+) |
| Số phụ tùng   | 23 chi tiết              |
| Tổng giá trị  | 7,686,422đ               |



Quét xem sơ đồ online

Danh sách phụ tùng chi tiết (23 phụ tùng)

Các phụ tùng đơn lẻ thuộc sơ đồ EPC **BỘ PHỤ TÙNG F - 14 - 40 CATALOGUE BÁNH TRƯỚC HONDA CBR150R (2021)**:

| # | Tên phụ tùng                                                                                                                                                | Mã SKU      | SL | Giá lẻ   |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----|----------|
| 1 | Đai sau trục cơ 42515-K40-F10 HONDA CB300R                                                                                                                  | 42515K40F10 | 1  | 191,960đ |
| 2 | Van bánh xe 42753-GM9-743 HONDA AIR BLADE 110, AIR BLADE 125, AIR BLADE 150, CB 500, REBEL 300, REBEL 500, SH 125, SH 150, SUPER CUB, VARIO 160, VISION 110 | 42753GM9743 | 1  | 61,306đ  |
| 2 | Van la-zăng (TRITON) 42753-KWF-901 HONDA SH 125, SH 150, SH MODE, VISION 110                                                                                | 42753KWF901 | 1  | 37,535đ  |
| 2 | (G1) Cắm biến áp suất lốp (WOL 20) 42753-ML7-004 HONDA CB 500                                                                                               | 42753ML7004 | 1  | 77,390đ  |
| 3 | TRỤC BÁNH XE TRƯỚC 44301-K45-NL0 HONDA CB300R                                                                                                               | 44301K45NL0 | 1  | 232,629đ |
| 4 | Bạc đệm cách bánh trước 44311-K45-N00 HONDA CB300R                                                                                                          | 44311K45N00 | 1  | 71,248đ  |

| #  | Tên phụ tùng                                                                                                                                                                                                 | Mã SKU                        | SL | Giá lẻ     |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|----|------------|
| 5  | Bạc đệm cách trục bánh trước 44620-K15-920 HONDA CB300R                                                                                                                                                      | <a href="#">44620K15920</a>   | 1  | 72,254đ    |
| 6  | Vành trước *NH303M* 44650-K45-NZ0ZA HONDA CB300R                                                                                                                                                             | <a href="#">44650K45NZ0ZA</a> | 1  | 3,425,960đ |
| 7  | Lốp trước (IRC) 44711-K45-N01 HONDA CB300R                                                                                                                                                                   | <a href="#">44711K45N01</a>   | 1  | 1,415,283đ |
| 8  | Đổi trọng 10g 44721-MGH-H21 HONDA CB 500, REBEL 1100, REBEL 300, REBEL 500                                                                                                                                   | <a href="#">44721MGHH21</a>   | 1  | 94,353đ    |
| 8  | Đổi trọng 15g 44722-MGH-H21 HONDA CB 500, REBEL 1100, REBEL 300, REBEL 500                                                                                                                                   | <a href="#">44722MGHH21</a>   | 1  | 97,607đ    |
| 8  | Đổi trọng 20g 44723-MGH-H21 HONDA CB 500, REBEL 1100, REBEL 300, REBEL 500                                                                                                                                   | <a href="#">44723MGHH21</a>   | 1  | 97,607đ    |
| 8  | Đĩa phanh trước 45251-K15-601 HONDA CB300R                                                                                                                                                                   | <a href="#">45251K15601</a>   | 1  | 1,202,178đ |
| 10 | Bu lông bắt đĩa phanh 8x24 90105-KGH-900 HONDA AIR BLADE 110, AIR BLADE 125, CB 500, CLICK 110, FUTURE 125, LEAD 110, LEAD 125, MSX 125, REBEL 300, REBEL 500, SH 125, SH 150, SH MODE, VISION 110, WAVE 110 | <a href="#">90105KGH900</a>   | 1  | 25,326đ    |
| 11 | Bu lông 5x10 90131-K64-N10 HONDA AIR BLADE 125, AIR BLADE 150, SH 125, SH 150, SH MODE                                                                                                                       | <a href="#">90131K64N10</a>   | 1  | 25,326đ    |
| 12 | Vòng bi 6301UL (china) (1 mặt chắn bụi) 91053-K03-H01 HONDA FUTURE 125, MSX 125, WAVE 110, WINNER R                                                                                                          | <a href="#">91053K03H01</a>   | 1  | 71,710đ    |
| 12 | Vòng bi 6301UL (china) (1 mặt chắn bụi) 91053-K03-H02 HONDA FUTURE 125, MSX 125, SUPER CUB, WAVE 110                                                                                                         | <a href="#">91053K03H02</a>   | 1  | 74,174đ    |
| 12 | Vòng bi 6301U L (SKF) 91053-K03-N41 HONDA FUTURE 125, MSX 125                                                                                                                                                | <a href="#">91053K03N41</a>   | 1  | 117,129đ   |
| 12 | Vòng bi 6301UL (china) 91055-KVS-F01 HONDA FUTURE 125, WAVE 110                                                                                                                                              | <a href="#">91055KVSF01</a>   | 1  | 123,636đ   |
| 12 | Vòng bi 6301UL (china) (1 mặt chắn bụi) 91055-KVS-F02 HONDA FUTURE 125, SUPER CUB, WAVE 110                                                                                                                  | <a href="#">91055KVSF02</a>   | 1  | 73,090đ    |
| 13 | Phốt dầu 27x40x7 91252-KGH-901 HONDA MSX 125, WAVE 100                                                                                                                                                       | <a href="#">91252KGH901</a>   | 1  | 39,178đ    |
| 13 | Phốt chắn bụi vành xe 91252-KGH-902 HONDA MSX 125                                                                                                                                                            | <a href="#">91252KGH902</a>   | 1  | 27,133đ    |
| 14 | Đai ốc 12mm 94050-12000 HONDA AIR BLADE, CLICK, FUTURE, LEAD, PCX, SH, SH MODE, WAVE                                                                                                                         | <a href="#">9405012000</a>    | 1  | 32,410đ    |

\* Danh sách được tạo tự động từ hệ thống [DOV Panel](#) — hiển thị tối đa 200 phụ tùng đầu tiên.

## Tìm kiếm liên quan

[Tất cả phụ tùng HONDA](#) · [Phụ tùng CB300R](#) · [Tất cả sơ đồ EPC](#)

## Hướng dẫn tra cứu

### Cách sử dụng sơ đồ EPC:

1. Xác định vị trí phụ tùng cần thay trên xe.
2. Đối chiếu với ảnh sơ đồ EPC ở trên — mỗi phụ tùng có số thứ tự (STT).
3. Tra STT trong bảng bên trên để lấy **Mã SKU** chính xác.
4. Cung cấp mã SKU cho cửa hàng hoặc tra cứu online tại <https://wiki.dov.vn/epc/bo-phu-tung-f-14-40-catalogue-banh-truoc-honda-cbr150r-2021--EPCDOV0003321> để biết giá và nơi bán.

### Trích dẫn tài liệu này

#### APA (7th ed.):

DOV Wiki Phụ Tùng. (2026). Sơ đồ EPC: BỘ PHỤ TÙNG F - 14 - 40 CATALOGUE BÁNH TRƯỚC HONDA CBR150R (2021) (EPCDOV0003321). Truy cập ngày 05/08/2026, từ <https://wiki.dov.vn/epc/bo-phu-tung-f-14-40-catalogue-banh-truoc-honda-cbr150r-2021--EPCDOV0003321>

#### MLA (9th ed.):

"Sơ đồ EPC: BỘ PHỤ TÙNG F - 14 - 40 CATALOGUE BÁNH TRƯỚC HONDA CBR150R (2021) (EPCDOV0003321)." *DOV Wiki Phụ Tùng*, 2026-08-05, <https://wiki.dov.vn/epc/bo-phu-tung-f-14-40-catalogue-banh-truoc-honda-cbr150r-2021--EPCDOV0003321>. Truy cập 05/08/2026.

#### Chicago (17th ed.):

DOV Wiki Phụ Tùng. "Sơ đồ EPC: BỘ PHỤ TÙNG F - 14 - 40 CATALOGUE BÁNH TRƯỚC HONDA CBR150R (2021) (EPCDOV0003321)." Cập nhật 2026-08-05. <https://wiki.dov.vn/epc/bo-phu-tung-f-14-40-catalogue-banh-truoc-honda-cbr150r-2021--EPCDOV0003321>.

### Tài liệu này

Sơ đồ EPC: BỘ PHỤ TÙNG F - 14 - 40 CATALOGUE  
BÁNH TRƯỚC HONDA CBR150R (2021)  
(EPCDOV0003321)

**Cập nhật lần cuối**  
05/08/2026

Dữ liệu sơ đồ EPC từ <https://panel.dov.vn>. Tài liệu tự sinh — không thay thế sơ đồ EPC chính thức từ nhà sản xuất.